

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T TỈNH VĨNH
PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/DS-ST

Ngày: 15 - 8 - 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hạnh

Bà Kiều Thị Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2024/TLST- DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

2. *Bị đơn:* Ông Vương Văn M, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Đều địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn Văn C trình bày: Ngày 15/12/2011 (âm lịch) ông cho vợ chồng ông Vương Văn M và bà Nguyễn Thị N vay số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) để ông M và bà N xây nhà. Khi vay, ông M tự viết giấy vay và ký tên, còn bà N là người trực tiếp nhận tiền từ ông. Giấy vay tiền không có lãi suất và không ghi thời gian trả nợ cụ thể mà hai bên tự hiểu khi nào ông cần, đòi thì ông M và bà N phải trả

ông tiền. Năm 2015 ông đến nhà đòi ông M và bà N khoản tiền trên nhưng ông M và bà N cứ khất lần lượt không muốn trả nợ ông. Do số tiền vay không lớn nên ông cũng không muốn làm to chuyện và để cho ông M và bà N thu xếp trả nợ dần; tuy nhiên ông M và bà N cố tình không trả ông tiền, nên ông khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, buộc ông M và bà N phải trả lại ông toàn bộ số tiền gốc đã vay là 14.000.000đồng, ông không yêu cầu về lãi suất.

Đối với bị đơn ông Vương Văn M và bà Nguyễn Thị N, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án cho ông M, bà N; tuy nhiên ông M, bà N không tới Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn C, buộc ông Vương Văn M và bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Văn C số tiền vay 14.000.000đồng. Về án phí, ông Vương Văn M và bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền theo giấy vay tiền ngày 15/12/2011 (âm lịch), nên xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Vương Văn M và bà Nguyễn Thị N; tuy nhiên ông M, bà N không lên Tòa án làm việc; phiên tòa đã được mở lần thứ hai nhưng ông M, bà N đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Đoàn Văn C khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Vương Văn M và bà Nguyễn Thị N phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay là 14.000.000đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 15/12/2011 (âm lịch) tức ngày 08/01/2012 (dương lịch), ông Đoàn Văn C cho ông Vương Văn M, bà Nguyễn Thị N vay số tiền là 14.000.000đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền do ông M tự viết và ký tên còn bà N là người trực tiếp nhận tiền.

Xét thấy, giấy vay tiền ngày 15/12/2011 (âm lịch) là hợp đồng vay tài sản không quy định thời hạn trả nợ và không có lãi suất. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Giấy vay tiền không có chữ ký của bà N, chỉ có chữ ký của ông M; tuy nhiên bà N là người trực tiếp nhận tiền từ ông C và việc vay mượn được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân giữa bà N và ông M, mục đích vay nhằm phục vụ cho nhu cầu chung của gia đình nên ông M và bà N phải có nghĩa vụ trả nợ chung. Quá trình thực hiện hợp đồng ông C đã nhiều lần yêu cầu ông M và bà N trả tiền, nhưng ông M bà N đã không thực hiện, vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông M, bà N đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông M, bà N lên Tòa án làm việc nhưng ông, bà không đến Tòa làm việc. Ngày 05/7/2024, Tòa án nhân dân huyện T đã phối hợp cùng với chính quyền địa phương xã A đến gia đình ông M, bà N; tại buổi làm việc ông M và bà N trình bày đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên do công việc bận rộn, chưa thu xếp được thời gian để lên Tòa án làm việc. Đối với việc vay nợ với ông Đoàn Văn C, ông bà sẽ trao đổi lại với ông C để hai bên có thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự được coi là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Việc ông M, bà N không trả ông C số tiền 14.000.000đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên yêu cầu của ông C buộc ông M và bà N phải trả số tiền vay là có căn cứ, cần chấp nhận. Do ông C không yêu cầu về lãi suất, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn C. Buộc ông Vương Văn M và bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Văn C số tiền vay 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Vương Văn M và bà Nguyễn Thị N phải chịu 700.000đồng (Bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đoàn Văn Cn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 350.000đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006928 ngày 01/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hạnh